

**THÔNG BÁO**  
**Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2024**

Thực hiện Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định số 741/QĐ-ĐHTDM ngày 21/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thủ Dầu Một và căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024 đã xác định, Trường Đại học Thủ Dầu Một thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2024, cụ thể như sau:

**1. Các ngành tuyển sinh, dự kiến chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh<sup>1</sup>**

- Ngành tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ: 08 ngành.
- Dự kiến 355 chỉ tiêu/08 ngành đào tạo thạc sĩ.
- Phương thức tuyển sinh: Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển (xem **Phụ lục 1**).
- + Xét điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học ở bậc đại học (theo thang điểm 10, nếu là thang điểm khác được quy đổi tương đương), áp dụng đối với ứng viên dự tuyển tất cả các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.
- + Thi vấn đáp (phỏng vấn năng lực) đối với môn chuyên ngành. Thời gian tối đa cho 1 ứng viên là 25 phút.

**2. Đối tượng dự tuyển, hình thức và thời gian đào tạo**

- Đối tượng dự tuyển: Công dân Việt Nam; Công dân nước ngoài.
- Hình thức đào tạo: Chính quy.
- Thời gian đào tạo: 02 năm.
- Thời gian học: Vào các ngày thứ 7 và chủ nhật.
- Hình thức học: Trực tiếp kết hợp trực tuyến.

**3. Điều kiện dự tuyển**

**3.1. Đối với ứng viên dự tuyển là công dân Việt Nam**

Ứng viên dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân Việt Nam, có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có đủ các điều kiện về văn bằng đối với chuyên ngành đào tạo (xem **Phụ lục 2**).

<sup>1</sup> **Ghi chú:** Đối với điều kiện bình thường Nhà trường tổ chức thi trực tiếp, trong điều kiện dịch bệnh và tình huống bất khả kháng khác Nhà trường tổ chức thi trực tuyến.

Ứng viên đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp<sup>2</sup>. Đối với ngành cần học bổ sung kiến thức, ứng viên hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức trước khi xét tuyển (xem **Phụ lục 2**).

### **3.2. Đối với ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài**

Có đủ các điều kiện về văn bằng đối với chuyên ngành đào tạo (xem **Phụ lục 2**). Các ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài đăng ký theo học chương trình thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt Bậc 4 trở lên theo khung năng lực tiếng Việt được quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực tiếng Việt dùng cho công dân nước ngoài.

Việc xác định chuyên ngành đối với ứng viên là công dân nước ngoài sẽ đối chiếu các môn học có tên gọi giống hoặc tương đương để xác định chuyên ngành hoặc chuyên môn chuyển đổi.

### **3.3. Điều kiện sức khỏe**

- Có đủ sức khỏe học tập.
- Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo quy định thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học.

### **3.4. Điều kiện miễn thi ngoại ngữ**

- Ứng viên đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ngôn ngữ nước ngoài áp dụng tại nội dung này là Tiếng Anh Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Nhật và Tiếng Nga. Cụ thể, ứng viên phải thỏa mãn một trong các điều kiện về ngoại ngữ dưới đây:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình học có hơn ½ số tín chỉ được giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Thủ Dầu Một cấp mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định<sup>3</sup> (xem **Phụ lục 3**) ban hành kèm theo thông báo này và còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

- Ứng viên chưa đủ điều kiện để miễn thi ngoại ngữ thì thực hiện thi môn ngoại ngữ (Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung Quốc) ở trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường tổ chức trong đợt tuyển sinh. Môn ngoại ngữ

<sup>2</sup>- Hội đồng tuyển sinh chấp nhận sử dụng giấy chứng nhận tốt nghiệp trình độ đại học tạm thời khi chưa được cấp bằng tốt nghiệp đại học. Nếu trúng tuyển, người dự tuyển phải nộp bản sao y bằng tốt nghiệp đại học.

- Các văn bằng tốt nghiệp đại học và bằng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch chứng thực sang tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Thủ Dầu Một sẽ tiến hành kiểm tra tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ.

<sup>3</sup>- Ứng viên phải nộp minh chứng ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3/6 trở lên theo quy định của Nhà trường để làm căn cứ xác định ngôn ngữ ngoại ngữ đầu ra.

thi bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Trong đó: Nghe, đọc, viết thời gian thi là 135 phút; Nói: Hình thức thi vấn đáp, thời gian tối đa 9 phút/ứng viên. Ứng viên được phúc khảo đối với phần thi các kỹ năng nghe, đọc, viết. Không phúc khảo đối với phần thi kỹ năng nói. Ứng viên phải đạt 50/100 môn ngoại ngữ (các phần thi nghe, nói, đọc và viết không dưới 30% thang điểm cho mỗi kỹ năng).

- Hồ sơ dự thi tuyển sinh (xem **Phụ lục 4**).

#### **4. Thời gian nhận hồ sơ và tổ chức thi tuyển sinh**

- **Đợt 1:** Nhận hồ sơ từ ngày ra thông báo đến 17h ngày 25/5/2024; Tổ chức thi vào ngày 15 và 16/6/2024 (kế hoạch chi tiết xem **Phụ lục 5**).

- **Đợt 2:** Dự kiến tổ chức thi tuyển sinh vào ngày 09 và 10/11/2024 (kế hoạch chi tiết sẽ được thông báo vào tháng 7/2024).

- Ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển qua đường bưu điện, hoặc trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một, số 06 đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Điện thoại: (0274) 3835.677 – (0274) 3 844 340 – (0274) 3844 341.

- Ứng viên căn cứ vào các điều kiện quy định ở trên, có nhu cầu đăng ký nộp hồ sơ dự tuyển, khi trúng tuyển không được đổi chuyên ngành đào tạo.

#### **5. Lệ phí tuyển sinh và học phí<sup>4</sup>**

##### **5.1. Học phí bổ sung kiến thức và ôn tập**

- Học phí bổ sung kiến thức: 1.875.000 đồng/học phần.

- Học phí ôn thi môn chuyên ngành: 1.250.000 đồng.

- Hình thức nộp: xem **Phụ lục 6**

##### **5.2. Lệ phí tuyển sinh**

- Lệ phí xử lý hồ sơ: 100.000 đồng.

- Lệ phí xét tuyển kết hợp thi tuyển: 400.000 đồng nếu miễn thi ngoại ngữ và 600.000đ nếu thi ngoại ngữ (xét điểm tích lũy bậc đại học; phỏng vấn năng lực chuyên môn và ngoại ngữ nếu có).

- Hình thức nộp: xem **Phụ lục 6**

##### **5.3. Ôn và thi ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu vào**

- Thời gian đăng ký: Từ ngày ra thông báo đến 17h ngày 27/4/2024

- Thời gian ôn tập: Từ ngày 28/4/2024 đến ngày 19/5/2024

- Thời gian thi ngoại ngữ đầu vào: Ngày 16/6/2024 (cả ngày Chủ nhật)

- Hình thức đăng ký: Theo mẫu tại Trung tâm tuyển sinh

- Học phí ôn tập: 1.600.000 đồng

- Hình thức nộp: xem **Phụ lục 6**

<sup>4</sup> Nhà trường không hoàn trả học phí bổ sung kiến thức, ôn thi và lệ phí tuyển sinh sau khi ứng viên đã nộp tiền theo quy định.

#### **5.4. Học phí**

Chi tiết học phí hệ đào tạo Sau đại học các ngành (xem **Phụ lục 7**).

#### **6. Điều kiện xét trúng tuyển**

- Ứng viên thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt tối thiểu 50% của thang điểm đối với môn chuyên ngành và đạt điều kiện về ngoại ngữ.

- Nguyên tắc xét trúng tuyển: Lấy tổng điểm của môn chuyên ngành và điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học ở bậc đại học, điểm ưu tiên (nếu có) từ cao xuống đến khi hết chỉ tiêu. Trường xây dựng điểm chuẩn trúng tuyển cho từng ngành dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh đã xác định và số lượng ứng viên thuộc diện xét trúng tuyển vào Trường.

- Trường hợp xét trúng tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu nhưng số ứng viên cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại thì thực hiện xét theo tiêu chí phụ, thứ tự như sau: (1) Ứng viên có công trình/sản phẩm nghiên cứu khoa học; (2) Ứng viên có điểm môn chuyên ngành cao hơn; (3) Ứng viên có thâm niên công tác nhiều năm hơn.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Các Cơ quan, Ban, Ngành;
- Hội đồng Trường;
- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trong Trường;
- Website Trường, Viện ĐTSĐH;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Ngô Hồng Điệp**

**Phụ lục 1**

**NGÀNH TUYỂN SINH, DỰ KIẾN CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 49/TB-ĐHTDM ngày 12 tháng 3 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

STT	Ngành tuyển sinh	Mã ngành	Dự kiến chỉ tiêu 355	Tổ hợp		Ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật)
				Xét hồ sơ và bảng điểm tích lũy trung bình bậc đại học	Thi vấn đáp (phỏng vấn) môn chuyên ngành	
1	Lịch sử Việt Nam	8 22 90 13	55	X	Phương pháp luận sử học	- Trường tổ chức đánh giá năng lực Tiếng Anh và Tiếng Trung Quốc cho ứng viên chưa đủ điều kiện. - Thời gian thi 135 phút đối với nghe, đọc, viết và vấn đáp tối đa 9 phút đối với kỹ năng nói.
2	Quản lý giáo dục	8 14 01 14	40	X	Giáo dục học	
3	Kế toán	8 34 03 01	40	X	Nguyên lý kế toán	
4	Quản trị kinh doanh	8 34 01 01	45	X	Quản trị học	
5	Khoa học môi trường	8 44 03 01	60	X	Cơ sở khoa học môi trường	
6	Hệ thống thông tin	8 48 01 04	35	X	Cơ sở tin học	
7	Tài chính ngân hàng	8 34 02 01	40	X	Tài chính tiền tệ	
8	Luật kinh tế	8 38 01 07	40	X	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	

**Phụ lục 2**  
**NGÀNH PHÙ HỢP VỚI NGÀNH TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
VÀ HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC**

(Đính kèm Thông báo số **49**/TB-ĐHTDM ngày **12** tháng **3** năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

**1. Ngành Lịch sử Việt Nam**

<b>Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)</b>	<b>Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức</b>	<b>Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)</b>
Lịch sử; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học.	- Ngôn ngữ học; Văn học; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Gia đình học - Sư phạm Lịch sử; Lưu trữ học; Bảo tàng học và Di sản; - Quốc tế học; Quan hệ quốc tế; Hồ Chí Minh học; Việt Nam học; Đông phương học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Trung Quốc học; Đông Nam Á học; Châu Á học; Thái Bình Dương học; Báo chí; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam.	1. Phương pháp luận sử học. 2. Đại cương lịch sử Thế giới. 3. Đại cương lịch sử Việt Nam. 4. Việt Nam trong tiến trình lịch sử thế giới.

**2. Ngành Quản lý giáo dục**

<b>Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)</b>	<b>Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức</b>	<b>Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)</b>
Quản lý Giáo dục, Giáo dục học, Công nghệ giáo dục.	- Nhóm ngành Đào tạo giáo viên gồm các ngành: Giáo dục Mầm non; Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Đặc biệt; Giáo dục công dân, Giáo dục Chính trị; Giáo dục Thể chất; Huấn luyện thể thao; Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Sư phạm Toán học; Sư phạm Tin học; Sư phạm Vật lý; Sư phạm Hóa học; Sư phạm Sinh học; Sư	1. Giáo dục học. 2. Quản lý giáo dục đại cương.

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
	<p>phạm Kỹ thuật công nghiệp; Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp; Sư phạm Ngữ văn; Sư phạm Lịch sử; Sư phạm Địa lý; Sư phạm Âm nhạc; Sư phạm Mỹ thuật; Sư phạm Tiếng Bana; Sư phạm Tiếng Êđê; Sư phạm Tiếng Jrai; Sư phạm Tiếng Khmer; Sư phạm Tiếng H'mong; Sư phạm Tiếng Chăm; Sư phạm Tiếng M'ông; Sư phạm Tiếng Xê-đăng; Sư phạm Tiếng Anh; Sư phạm Tiếng Nga; Sư phạm Tiếng Pháp; Sư phạm Tiếng Trung Quốc; Sư phạm Tiếng Đức; Sư phạm Tiếng Nhật; Sư phạm Tiếng Hàn Quốc; Sư phạm nghệ thuật; Sư phạm công nghệ; Sư phạm Khoa học tự nhiên; Giáo dục pháp luật; Sư phạm Lịch sử - Địa lý.</p> <p>- Các ngành: Tâm lý học; Tâm lý học giáo dục; Hỗ trợ giáo dục cho người khuyết tật; Quản lý văn hoá; Quản lý nhà nước; Quản lý thông tin; Quản lý thể dục thể thao; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự.</p>	<p>3. Quản lý hoạt động dạy học, giáo dục trong cơ sở giáo dục.</p> <p>4. Công nghệ dạy học.</p>

### 3. Ngành Kế toán

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Kế toán; Kiểm toán	<p>- Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án.</p> <p>- Kinh tế; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Toán kinh tế; Kinh tế số; Quản lý công nghiệp; Kinh tế công nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Kinh tế xây dựng; Kinh tế nông nghiệp; Quản trị dịch vụ</p>	<p>1. Nguyên lý kế toán</p> <p>2. Kế toán quản trị</p> <p>3. Kế toán tài chính</p> <p>4. Lý thuyết kiểm toán</p>

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
	du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Kinh tế gia đình; Kinh tế vận tải; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.	

#### 4. Ngành Quản trị kinh doanh

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Quản trị nhân lực; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản lý công; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án.</li> <li>- Kinh tế; Kinh tế học; Kinh tế Chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Kinh tế số.</li> <li>- Toán học; Khoa học tính toán; Toán ứng dụng; Toán cơ; Toán tin; Thống kê; Kinh tế gia đình; Kinh tế xây dựng; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế công nghiệp; Kinh tế vận tải; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Kinh doanh xuất bản phẩm; Kinh doanh nông nghiệp; Quản lý công nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Quản lý văn hóa; Quản lý nhà nước; Quản lý thông tin; Quản lý đô thị và công trình; Quản lý xây dựng; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý thủy sản; Tổ chức và quản lý y tế; Quản lý bệnh viện; Quản lý thể dục thể thao; Quản lý hoạt động bay; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai; Phát triển nông thôn.</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản trị tài chính.</li> <li>2. Marketing căn bản.</li> <li>3. Quản trị chất lượng.</li> <li>4. Quản trị học.</li> </ol>



### 5. Ngành Khoa học Môi trường

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp <i>(Không học bổ sung kiến thức)</i>	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức <i>(03 tín chỉ/học phần)</i>
Khoa học Môi trường; Kỹ thuật môi trường.	Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường, Hóa học, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật hóa học, Công nghệ chế biến thủy sản, Nuôi trồng thủy sản, Quy hoạch vùng và đô thị, Khí tượng thủy văn, Sinh học, Công nghệ sinh học, Địa chất học, Địa lý tự nhiên, Lâm nghiệp, Nông nghiệp, Quản lý đô thị, Cấp thoát nước, Vật liệu, Khoa học trái đất, Địa vật lý, Hải Dương học, Đô thị học, Kỹ thuật trắc địa, Bản đồ học, Công trình giao thông công chính, Thủy văn và tài nguyên nước, Thủy văn học, Địa lý tài nguyên và môi trường, Công nghệ vật liệu, Vật liệu Polyme, Kỹ thuật tài nguyên nước, Sinh thái học, Địa lý môi trường, Quản lý công nghiệp, Khoa học Vật liệu, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Công nghệ môi trường, Kỹ thuật cấp thoát nước và Môi trường nước, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản lý môi trường</li> <li>2. Đại cương Công nghệ môi trường</li> <li>3. Cơ sở khoa học môi trường</li> <li>4. Luật và chính sách môi trường</li> </ol>

### 6. Ngành Hệ thống thông tin

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp <i>(Không học bổ sung kiến thức)</i>	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức <i>(03 tín chỉ/học phần)</i>
Hệ thống thông tin; Khoa học máy tính; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Kỹ thuật máy tính; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin.	Sư phạm Toán; Sư phạm Toán-Tin; Sư phạm Tin học; Tin học ứng dụng; Toán ứng dụng; Toán kinh tế; Toán – Tin; Hệ thống thông tin trong quản lý; Hệ thống thông tin kinh tế; Toán ứng dụng; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điện tử - Truyền thông; Vật lý – Tin học; Cơ sở Toán cho tin học; Khoa học tính toán	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ sở tin học.</li> <li>2. Cấu trúc dữ liệu.</li> <li>3. Toán rời rạc.</li> <li>4. Một số thuật toán thông minh nhân tạo.</li> </ol>

## 7. Ngành Tài chính ngân hàng

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính.	<p>- Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án;</p> <p>- Kinh tế; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Toán kinh tế; Kinh tế số; Quản lý công nghiệp; Kinh tế công nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Kinh tế xây dựng; Kinh doanh nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Kinh tế gia đình; Kinh tế vận tải; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tài chính tiền tệ.</li> <li>2. Thị trường tài chính và các định chế tài chính.</li> <li>3. Tài chính doanh nghiệp.</li> <li>4. Quản trị ngân hàng thương mại.</li> </ol>

## 8. Ngành Luật kinh tế

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Luật; Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Luật Dân sự và Tố tụng dân sự; Luật Hình sự và Tố tụng hình sự; Luật Kinh tế; Luật Quốc tế.	<p>- Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án.</p> <p>- Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Kinh tế số; Chính trị học; Xây dựng</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật.</li> <li>2. Pháp luật về chủ thể kinh doanh.</li> <li>3. Pháp luật về thương mại hàng hóa dịch vụ.</li> <li>4. Pháp luật quốc tế.</li> </ol>

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
	<p>Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Quan hệ quốc tế; Xã hội học; Nhân học; Tâm lý học; Tâm lý học giáo dục.</p> <p>- Báo chí; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Công nghệ truyền thông; Truyền thông Quốc tế; Quan hệ công chúng; Trinh sát an ninh; Trinh sát cảnh sát; Điều tra hình sự; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; quản lý trật tự an toàn giao thông; Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp; Triết học.</p>	

**Ghi chú:** Các ngành phù hợp khác đối với mỗi ngành đào tạo trình độ thạc sĩ trong danh mục trên, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét cụ thể từng trường hợp khi ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển.

**Phụ lục 3**

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ  
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC  
DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Đính kèm Thông báo số 49/TB-ĐHTDM ngày 12 tháng 3 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

**1. Danh mục chứng chỉ Ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên (Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGD&ĐT ngày 30/8/2021)**

STT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 – 45	46 – 93
		TOEFL iBT	450 – 499	
		IELTS	4.0 – 5.0	5.5 – 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm : 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm : 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe : 275-399 Đọc : 275-384 Nói : 120-159 Viết : 120-149	Nghe : 400-489 Đọc : 385-454 Nói : 160-179 Viết : 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF : 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF : 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe – Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ – Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

**2. Danh mục các Trường đại học được phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Tính đến ngày 07/7/2023, tại Thông báo 1089/TB-QLCL ngày 07/7/2023 của Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo)**

1. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	16. Học viện An ninh nhân dân
2. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	17. Học viện Báo chí và Tuyên truyền
3. Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội	18. Trường ĐH Công thương Thành phố Hồ Chí Minh
4. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	19. Trường Đại học Thương mại
5. Đại học Thái Nguyên	20. Học viện Khoa học quân sự
6. Trường Đại học Cần Thơ	21. Trường Đại học kinh tế- Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
7. Trường Đại học Hà Nội	22. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
8. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	23. Học viện Cảnh sát nhân dân
9. Trường Đại học Vinh	24. Đại học Bách Khoa Hà Nội
10. Trường Đại học Sài Gòn	25. Trường Đại học Nam Cần Thơ
11. Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	26. Trường Đại học Ngoại thương
12. Trường Đại học Trà Vinh	27. Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
13. Trường Đại học Văn Lang	28. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
14. Trường Đại học Quy Nhơn	29. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
15. Trường Đại học Tây Nguyên	30. Trường Đại học Lạc Hồng
Và các trường Đại học khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 dùng cho Việt Nam (Tính đến thời điểm nhận hồ sơ)	

**3. Miễn thi ngoại ngữ theo điểm b, khoản 3, Điều 5, Thông tư số 23/2021 của BGD&ĐT**

Bằng đại học chính quy TDMU; Bằng đại học liên thông TDMU trong thời hạn 2 năm; và Người học đủ điều kiện tốt nghiệp TDMU thuộc 2 loại hình trên của TDMU (Có giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và đáp ứng ngoại ngữ chuẩn đầu ra Bậc 3/6).

**Phụ lục 4**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Đính kèm Thông báo số **49/TB-ĐHTDM** ngày **12** tháng **3** năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Phiếu đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ (01 bản);
2. Lý lịch khoa học có xác nhận của địa phương hoặc cơ quan công tác (01 bản, còn trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển sinh);
3. Bản sao y bản ghi điểm tốt nghiệp đại học (02 bản);
4. Bản sao y bằng tốt nghiệp đại học/Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời/Giấy xác nhận đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học hoặc trình độ tương đương trở lên (02 bản);
5. Bản sao y giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục khảo thí và Kiểm định Chất lượng giáo dục đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (02 bản, nếu có);
6. Bản sao y Căn cước công dân (02 bản);
7. Giấy khám sức khỏe (01 bản, còn trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển sinh);
8. Bản sao y chứng chỉ ngoại ngữ/bằng cử nhân ngoại ngữ hoặc giấy chứng nhận điểm thi ngoại ngữ (02 bản, nếu có);
9. Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (01 bản, nếu có);
10. 03 ảnh 3x4 (ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh vào mặt sau ảnh);
11. Giấy xác nhận hoàn thành học bổ sung kiến thức (01 bản, nếu có).

Hồ sơ đăng ký dự tuyển nộp tại: Trung tâm Tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một, số 06 đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.  
Điện thoại: (0274) 3835.677 – (0274) 3 844 340 – (0274) 3844 341.

**Phụ lục 5**  
**KẾ HOẠCH CHI TIẾT TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**ĐỢT 1 NĂM 2024**

(Đính kèm Thông báo số **49/TB - ĐHTDM** ngày **12** tháng **3** năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Khung thời gian dự kiến</b>
01	<b>Nhận hồ sơ học bổ sung kiến thức</b>	Từ ngày ra thông báo đến 17h ngày 11/3/2024 (trong giờ hành chính các ngày trong tuần và ngày Thứ bảy, Chủ nhật)
02	<b>Tổ chức học bổ sung kiến thức<sup>5</sup></b>	<b>Từ ngày 12/3/2024 đến 27/4/2024</b>
03	Ôn ngoại ngữ đầu vào	Từ ngày 28/4/2024 đến 19/5/2024
04	Ôn thi chuyên ngành	Từ ngày 25/5/2024 đến 01/6/2024
05	<b>Kết thúc nhận hồ sơ tuyển sinh</b>	<b>Ngày 25/5/2024</b>
06	Xét hồ sơ dự tuyển	Từ ngày 28/5/2024 đến ngày 30/5/2024
07	<b>Quyết định ứng viên đủ điều kiện dự thi</b>	<b>Ngày 31/5/2024</b>
08	Nhận giấy báo dự thi	Từ 7h ngày 10/6/2024 đến 17h ngày 14/6/2024
09	<b>Tổ chức thi</b> <b>(Môn chuyên ngành và Ngoại ngữ)</b>	<b>Ngày 15 và 16/6/2024</b>
10	Thông báo kết quả điểm thi tuyển sinh	Ngày 30/6/2024
11	Thông báo kết quả trúng tuyển và nhận giấy báo trúng tuyển	Ngày 10/7/2024
12	Khai giảng – Tổ chức học	<b>Ngày 21/7/2024</b>
13	Quyết định công nhận học viên	Ngày 05/08/2024

<sup>5</sup> Thời gian học bổ sung kiến thức và ôn tập được tổ chức linh hoạt vào các buổi tối và các ngày thứ bảy, chủ nhật hàng tuần. Hình thức học trực tiếp kết hợp trực tuyến. Thông tin chi tiết lịch bổ sung kiến thức và ôn tập cụ thể được công bố trên website của Trường.

**Phụ lục 6**

**HƯỚNG DẪN THỦ TỤC NỘP TIỀN QUA TÀI KHOẢN**  
(Đính kèm Thông báo số **49/TB-ĐHTDM** ngày **12** tháng **3** năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

**1. Mức thu học phí bổ sung kiến thức, lệ phí xét tuyển kết hợp thi tuyển đợt 1 năm 2024 và hình thức nộp**

**\* Mức thu**

- Học phí học bổ sung kiến thức: 1.875.000 đồng/học phần;
- Học phí ôn thi môn chuyên ngành: 1.250.000 đồng;
- Lệ phí xử lý hồ sơ: 100.000 đồng;
- Lệ phí xét tuyển kết hợp thi tuyển: 400.000 đồng nếu miễn thi ngoại ngữ và 600.000đ nếu thi ngoại ngữ (xét điểm tích lũy bậc đại học; phỏng vấn năng lực chuyên môn và ngoại ngữ nếu có).

**\* Hình thức nộp**

Chuyển tiền vào tài khoản, đơn vị thụ hưởng: **Trường Đại học Thủ Dầu Một** -  
Số tài khoản: **6500465078** tại ngân hàng **BIDV**, Chi nhánh **Bình Dương**.

**\* Cú pháp nộp tiền**

- **Nộp tiền bổ sung kiến thức như sau:**

Mã nộp	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số tiền <sup>6</sup>	Số tài khoản nộp tiền
BSK24	Nguyễn Văn A	.....	.....	6500465078 tại ngân hàng BIDV CN Bình Dương, Chủ tài khoản: Trường Đại học Thủ Dầu Một.
<i>Ví dụ: BSK24_Nguyen Van A_074184123456</i>				

- **Nộp tiền ôn tập môn chuyên ngành như sau:**

Mã nộp	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số tiền <sup>7</sup>	Số tài khoản nộp tiền
OTK24	Nguyễn Văn A	.....	.....	6500465078 tại ngân hàng BIDV CN Bình Dương, Chủ tài khoản: Trường Đại học Thủ Dầu Một.
<i>Ví dụ: OTK24_Nguyen Van A_074184123456</i>				

<sup>6</sup> Số tiền = Số học phần học bổ sung kiến thức × 1.875.000 đồng

<sup>7</sup> Số tiền = 1.250.000 đồng



**- Nộp tiền lệ phí xét tuyển kết hợp thi tuyển như sau:**

Mã nộp	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số tiền <sup>8</sup>	Số tài khoản nộp tiền
XTK24	Nguyễn Văn A	.....	.....	6500465078 tại ngân hàng BIDV CN Bình Dương, Chủ tài khoản: Trường Đại học Thủ Dầu Một.
<i>Ví dụ: XTK24_Nguyen Van A_074184123456</i>				

**2. Mức thu học phí ôn tập ngoại ngữ đầu vào**

- Học phí ôn tập: 1.600.000 đồng
- Hình thức nộp: Chuyển khoản vào tài khoản: Đơn vị thụ hưởng **Trung tâm Ngoại ngữ**
- Số tài khoản: **65010000637293** tại **Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Bình Dương.**
- Cú pháp nộp tiền:

Mã nộp	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số tiền <sup>9</sup>	Số tài khoản nộp tiền
CH2024	Nguyễn Văn A	.....	.....	65010000637293 tại ngân hàng BIDV CN Bình Dương, Chủ tài khoản: Trung tâm Ngoại ngữ.
<i>Ví dụ: CH2024_Nguyen Van A_074184123456</i>				

**Ghi chú:**

- Ứng viên nộp tiền qua Ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước, giữ lại giấy nộp tiền do ngân hàng hoặc kho bạc cung cấp để làm minh chứng cho các thủ tục này.
- Nhà trường không hoàn trả học phí, lệ phí sau khi ứng viên đã nộp tiền theo quy định.

<sup>8</sup> Số tiền = 500.000 đồng nếu miễn ngoại ngữ và 700.000 đồng nếu thi ngoại ngữ.

<sup>9</sup> Số tiền = 1.600.000 đồng.

**Phụ lục 7**

**HỌC PHÍ HỆ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**

(Đính kèm Thông báo số **49/TB-ĐHTDM** ngày **12 tháng 3** năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

**Mức thu học phí đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng năm học 2023 – 2024<sup>9</sup>**

STT	Chuyên ngành	Mã ngành	Học phí
1	<b>Lịch sử Việt Nam</b>	8 22 90 13	27.000.000 đồng/năm học
2	<b>Quản lý giáo dục</b>	8 14 01 14	28.125.000 đồng/năm học
3	<b>Kế toán</b>	8 34 03 01	28.125.000 đồng/năm học
4	<b>Quản trị kinh doanh</b>	8 34 01 01	28.125.000 đồng/năm học
5	<b>Khoa học môi trường</b>	8 44 03 01	30.375.000 đồng/năm học
6	<b>Hệ thống thông tin</b>	8 48 01 04	32.625.000 đồng/năm học
7	<b>Tài chính ngân hàng</b>	8 34 02 01	28.125.000 đồng/năm học
8	<b>Luật kinh tế</b>	8 38 01 07	28.125.000 đồng/năm học

<sup>9</sup> - Theo Thông báo số 02/TB-ĐHTDM ngày 01/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một. Nhà trường thực hiện lộ trình tăng học phí theo quy định.

- Nhà trường không hoàn trả học phí và lệ phí khi học viên trúng tuyển đã nộp tiền theo quy định.